

là đất nông nghiệp, bảo vệ môi trường và điều kiện sinh thái tự nhiên.

— Quy hoạch nuôi trồng thủy sản phải phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế — xã hội ở từng địa phương và gắn kinh tế với quốc phòng.

Các vùng chưa có quy hoạch được duyệt thì không được đào đắp, chặt phá cây rừng, tàn phá thiên nhiên gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và làm tổn hại lợi ích chung.

### 3. Thời gian thực hiện.

— Từ nay đến hết tháng 8 năm 1988 các tỉnh, thành phố và đặc khu phải lập xong quy hoạch ở địa phương mình. Bộ Thủy sản phối hợp với các ngành đề hướng dẫn, giúp đỡ và chỉ đạo các địa phương thực hiện theo đúng tiến độ quy định.

— Bộ Thủy sản tổng hợp và lập quy hoạch nuôi trồng thủy sản trong cả nước, trình Hội đồng Bộ trưởng vào tháng 10 năm 1988.

Việc xây dựng quy hoạch lần này có tầm quan trọng, nhằm đưa công tác nuôi trồng thủy sản đi vào ổn định và phát triển có cơ sở vững chắc, đồng thời chấm dứt tình trạng tranh chấp giữa việc phát triển các cây, con, làm ảnh hưởng môi trường... Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu Bộ Thủy sản, các Bộ có liên quan và Ủy ban Nhân dân các địa phương tập trung lực lượng làm dứt điểm và đạt yêu cầu, không kéo dài, làm đi làm lại nhiều lần, gây lãng phí sức người, sức của.

Bộ Thủy sản có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Chỉ thị này và thường xuyên báo cáo tiến độ triển khai lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng biết.

Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

VÔ VĂN KIẾT

**CHỈ THỊ** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 182-CT ngày 14-6-1988 về một số vấn đề cấp bách trong công tác xuất, nhập khẩu.

Trong khi đang nghiên cứu ban hành cơ chế mới về công tác xuất, nhập khẩu, để thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 2-5-1988 của Bộ Chính trị về các biện pháp cấp bách chống lạm phát, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị một số vấn đề sau đây về công tác xuất, nhập khẩu.

### I. VỀ XUẤT KHẨU

1. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước điều chỉnh lại các chỉ tiêu giao nộp hàng xuất khẩu năm 1988 và chuẩn bị giao chỉ tiêu năm 1989 cho các địa phương, các ngành phải phù hợp với năng lực sản xuất và sản lượng khai thác sản phẩm xuất khẩu của mỗi nơi; tránh tình trạng giao quá khả năng sản xuất địa phương, ngành đi tranh mua ở địa phương, ngành khác.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước dành đủ quỹ vật tư nhập khẩu và sản xuất trong nước (bao gồm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, lương thực, thiết bị, phương tiện, vật tư, hàng hóa...) để đáp ứng các mục tiêu sau đây:

— Vật tư trả cho sản xuất theo định mức kinh tế — kỹ thuật đối với từng nhóm hàng, mặt hàng.

— Vật tư bán hỗ trợ cho địa phương (ứng trước hàng cho sản xuất) hoặc đề trả theo phương thức ủy thác xuất khẩu đối với những mặt hàng chủ lực khi Trung ương huy động hàng ngoài kế hoạch của địa phương để xuất khẩu.

Quỹ vật tư nói trên phải được bảo đảm cân đối với phần kim ngạch xuất khẩu mà các tổ chức xuất, nhập khẩu khai thác từ các xí nghiệp quốc doanh của địa phương, kinh tế tập thể và cá thể để thực hiện các Hiệp định với nước ngoài.



Bộ Kinh tế đối ngoại và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tính toán, cân đối đủ quỹ vật tư nói trên trong kế hoạch sử dụng vật tư hàng năm.

2. Đối với những mặt hàng xuất khẩu thuộc chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước thì Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ngân hàng có trách nhiệm cân đối đủ và kịp thời (vật tư, hàng hóa, tiền mặt...) cho sản xuất và mua hàng xuất khẩu theo định mức kinh tế — kỹ thuật và khung giá chỉ đạo của Nhà nước trên nguyên tắc tổ chức kinh tế nào được giao kế hoạch sản xuất hay mua hàng xuất khẩu đồng thời phải được cân đối đủ các yêu cầu vật chất tương ứng, bảo đảm thực hiện kế hoạch,

Trường hợp các đơn vị xuất, nhập khẩu chuyên ngành không được bảo đảm các điều kiện vật chất đề nắm hàng theo hợp đồng thì các tổ chức kinh tế có các sản phẩm đó được trực tiếp xuất khẩu (nếu được phép) hoặc ủy thác xuất khẩu; nếu Nhà nước huy động các mặt hàng này để xuất sang khu vực xã hội chủ nghĩa thì các tổ chức kinh tế được nhận lại vật tư, hàng hóa theo phương thức ủy thác.

Đối với một số mặt hàng xuất khẩu thuộc Hiệp định trao đổi hàng hóa với các nước, nếu xét thấy việc giao trọn vẹn mặt hàng đó cho địa phương đảm nhận có hiệu quả hơn, Bộ Kinh tế đối ngoại cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành hữu quan xem xét, quyết định có sự cam kết của địa phương.

Khuyến khích mở rộng việc xuất khẩu hàng hóa ngoài Hiệp định trao đổi hàng hóa với các nước xã hội chủ nghĩa, bằng những phương thức thích hợp dưới sự hướng dẫn, quản lý Nhà nước của Bộ Kinh tế đối ngoại.

3. Chấn chỉnh ngay tình trạng lộn xộn trong hoạt động xuất khẩu:

— Nghiêm cấm việc mua hàng xuất khẩu vượt mức giá quy định của Nhà nước hoặc khung giá hướng dẫn đối với từng loại sản phẩm ở từng vùng do Ủy

ban Vật giá Nhà nước cụ thể hóa theo Quyết định số 90-HĐBT ngày 24-5-1988 của Hội đồng Bộ trưởng.

Bộ Kinh tế đối ngoại chỉ cho phép các tổ chức xuất, nhập khẩu địa phương xuất khẩu các mặt hàng là sản phẩm của địa phương; hoặc sản phẩm có được do liên doanh, liên kết; hoặc do có hợp đồng mua, bán hàng xuất khẩu giữa các địa phương (được Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố chuẩn y theo mức giá hay khung giá của Nhà nước). Các địa phương, các ngành có sản phẩm đó được xuất khẩu hoặc được chọn một tổ chức xuất, nhập khẩu thích hợp để ủy thác xuất khẩu.

Bộ Kinh tế đối ngoại không cấp giấy phép xuất khẩu đối với các sản phẩm xuất khẩu mua vượt mức giá hoặc khung giá Nhà nước quy định dưới mọi hình thức; các sản phẩm này sẽ được xử lý theo điều lệ quản lý thị trường và pháp luật Nhà nước.

— Việc mua, bán hàng xuất khẩu giữa các tổ chức xuất nhập khẩu của ngành địa phương phải thông qua hợp đồng kinh tế với các cơ sở sản xuất hoặc tập thể, tư nhân sản xuất hàng xuất khẩu theo các phương thức:

Trực tiếp trao đổi vật tư, hàng hóa để nắm nông sản xuất khẩu theo mức giá hoặc tỷ giá công — nông nghiệp chỉ đạo của Nhà nước.

Đầu tư trực tiếp vào vùng sản xuất để nắm hàng xuất khẩu.

Có quỹ vật tư ứng trước cho người sản xuất cho kịp vụ sản xuất để nắm sản phẩm xuất khẩu.

Thanh toán tiền hàng ngay trong quan hệ mua, bán hàng xuất khẩu theo mức giá ký trong hợp đồng.

— Bộ Tài chính chủ trì cùng Bộ Kinh tế đối ngoại và các ngành hữu quan rà soát ngay cơ cấu, danh mục những mặt hàng xuất khẩu tạm thời phải bù lỗ; hạn chế mức thấp nhất giới hạn bù lỗ đã được xác định đối với từng mặt hàng, nhóm hàng; xem xét, dành quỹ vật tư, hàng



hóa cần thiết bán theo giá kinh doanh để chuyển ngân sách chi cho việc bù lỗ. Xem xét, loại bỏ những mặt hàng xuất khẩu không có hiệu quả không thuộc diện trả nợ nước ngoài để cân đối cho nhu cầu nội tiêu.

4. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì cùng Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kinh tế đối ngoại lập kế hoạch trả nợ nước ngoài (nợ xuất khẩu, nợ vay nhập khẩu, nợ vận tải), phối hợp với các ngành hữu quan trong việc chỉ đạo tạo nguồn hàng, tiền trả nợ.

## II. VỀ NHẬP KHẨU

1. Các Tổng Công ty xuất, nhập khẩu trung ương cũng như các tổ chức xuất, nhập khẩu chuyên ngành hay của địa phương chỉ được phép nhập khẩu thiết bị, vật tư, nguyên liệu, các loại linh kiện lắp ráp, gia công... để phục vụ trực tiếp cho sản xuất theo yêu cầu của kế hoạch Nhà nước hoặc trong phạm vi được Nhà nước quy định cho từng ngành, từng địa phương.

2. Việc nhập hàng tiêu dùng, giao trách nhiệm cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Bộ Kinh tế đối ngoại và các ngành liên quan tính toán cân đối và quy định những tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu được phép nhập hàng tiêu dùng để giải quyết quan hệ hàng — tiền trong phạm vi cả nước.

Các Tổng Công ty chuyên doanh ngành hàng thuộc các Bộ sản xuất cũng như các tổ chức xuất, nhập khẩu địa phương không được nhập hàng tiêu dùng. Trừ những trường hợp đặc biệt cần thiết phải giải quyết thì việc nhập hàng tiêu dùng không quá 5 — 10% giá trị ngoại tệ xuất khẩu thu được, nhưng số tiền mặt thu được do bán hàng tiêu dùng nhập về phải được cân đối để mua hàng xuất khẩu của ngành hàng đó. (Nếu phải nhập lương thực thì không tính trong phần trăm này).

Bộ Kinh tế đối ngoại cùng các ngành liên quan rà soát lại cơ cấu hàng nhập; chỉ cho phép nhập những mặt hàng tiêu dùng mà trong nước chưa sản xuất hoặc sản xuất không đủ đáp ứng nhu cầu; đối với hàng tiêu dùng cao cấp như xe máy, vidêô, ô-tô con, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, rượu, thuốc lá hết sức hạn chế nhập và chỉ được phép nhập trong phạm vi kế hoạch Nhà nước.

Các Bộ chủ quản, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ giá mua hàng xuất (như đã nói trên), giá bán hàng nhập và sử dụng các biện pháp kinh tế và hành chính để sớm chấm dứt tình trạng tùy tiện nhập hàng tiêu dùng cao cấp, xa xỉ.

## III. VỀ QUẢN LÝ XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ QUẢN LÝ NGOẠI TỆ

1. Bộ Kinh tế đối ngoại có biện pháp chấn chỉnh ngay chế độ cấp giấy phép xuất, nhập khẩu một cách chặt chẽ, bảo đảm thực hiện đúng những quy định của Nhà nước; việc xét duyệt hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu phải nhằm phục vụ sản xuất, gắn với việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và phải tập trung vào một đầu mối thống nhất là Bộ Kinh tế đối ngoại, nhằm sử dụng có hiệu quả các công cụ đó để bảo đảm kế hoạch xuất, nhập khẩu.

Đối với một số mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ yếu có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các cam kết quốc tế, đến sản xuất và đời sống trong cả nước, Bộ Kinh tế đối ngoại chủ trì bàn với các ngành, các Bộ liên quan khi xét duyệt hạn ngạch xuất, nhập khẩu.

Đối với những sản phẩm xuất khẩu thuộc chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước mà chưa hoàn thành các Hiệp định đã ký kết thì tùy theo từng loại mặt hàng, Bộ Kinh tế đối ngoại điều hành cụ thể việc xuất khẩu giữa hai khu vực xã hội chủ nghĩa



và ngoài xã hội chủ nghĩa, nhằm bảo đảm hoàn thành các Hiệp định với nước ngoài và kinh doanh có lợi.

2. Bộ Kinh tế đối ngoại cùng các ngành hữu quan cần có những quy định cụ thể để phát triển và mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa với hai nước Lào và Cam-puchia một cách có hiệu quả thiết thực.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng Bộ Kinh tế đối ngoại, Bộ Tài chính và các ngành liên quan khác tính toán, xác định sớm tỷ giá dùng để thanh toán trong hoạt động xuất, nhập khẩu phù hợp với yêu cầu thực tế từng thời gian, có gắn với xuất khẩu và kinh doanh xuất, nhập khẩu.

Toàn bộ ngoại tệ trong kinh doanh xuất, nhập khẩu và trong các dịch vụ thu ngoại tệ phải được thanh toán qua Ngân hàng Ngoại thương. Chấm dứt việc mua, bán thanh toán ngoại tệ bằng tiền mặt giữa các đơn vị và tổ chức kinh tế trong nước. Những trường hợp nhượng quyền sử dụng ngoại tệ trong quan hệ trao đổi, liên kết kinh tế đều phải thông qua Ngân hàng Ngoại thương.

Để thực hiện chế độ mua, bán ngoại tệ qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và bỏ chế độ kết hối ngoại tệ theo Nghị quyết Bộ Chính trị số 11-NQ/TƯ ngày 2-5-1988, Ngân hàng Nhà nước cùng Bộ Tài chính chuẩn bị ngay chính sách mua, bán ngoại tệ cho các tổ chức kinh tế theo yêu cầu Trung ương thống nhất quản lý ngoại tệ để sử dụng có kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của cả nước, đồng thời bảo đảm quyền lợi chính đáng và nhu cầu ngoại tệ cho tái sản xuất mở rộng và kinh doanh không bị lỗ của các cơ sở, các tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất, nhập khẩu.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì cùng Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước tính toán, bảo đảm các điều kiện về ngân sách, tiền mặt, vật tư để thực hiện được chế độ mua, bán toàn bộ ngoại tệ từ ngày 1 tháng 1 năm 1989. Trước mắt, trong năm

1988 đối với số ngoại tệ do các ngành, các địa phương và cơ sở (kể cả quốc doanh và ngoài quốc doanh) tự tạo ra bằng xuất khẩu thì Ngân hàng Ngoại thương tổ chức mua lại 30% theo tỷ giá thích hợp đối với từng nhóm hàng xuất, bảo đảm cho các đơn vị kinh tế sản xuất không bị lỗ. Số ngoại tệ 70% còn lại được dùng để nhập vật tư, hàng hóa theo giấy phép; nếu chưa sử dụng thì ký gửi vào tài khoản tại Ngân hàng Ngoại thương, có lãi, khi cần các tổ chức kinh tế có quyền rút ra hoặc bán lại cho Ngân hàng Ngoại thương theo mức tỷ giá mua, bán ngoại tệ thông qua xuất, nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố theo nguyên tắc:

— Nếu hàng xuất khẩu được đổi lưu bằng nguồn vật tư, nguyên liệu, hàng hóa nhập khẩu thì theo mức tỷ giá nhập khẩu.

— Nếu hàng xuất khẩu mua bằng tiền trong nước thì tỷ giá được xác định theo mức giá quy định của Nhà nước hoặc khung giá quy định của Ủy ban Vật giá Nhà nước được ủy nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bảo đảm cho ngành địa phương và cơ sở không phải bù lỗ. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính bố trí kế hoạch, bảo đảm phần ngân sách để mua đủ 30% ngoại tệ nói trên và khả năng mua thêm phần 70% của các ngành địa phương.

Thi hành nghiêm Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu và Pháp lệnh thuế hàng hóa nhập khẩu.

Bộ Tài chính cùng Bộ Kinh tế đối ngoại, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Hải quan và các ngành liên quan khác có trách nhiệm chỉ đạo việc thi hành Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu và kiến nghị lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết những vấn đề tồn tại nhằm bảo đảm yêu cầu đầy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng không cần thiết, bảo hộ sản xuất trong nước, loại trừ các mặt tiêu cực trong kinh doanh xuất, nhập khẩu.

www.TinVietRapLuat.com  
Tel: +84-8886 6886



4. Chấn chỉnh, sắp xếp lại hệ thống tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu theo hướng gọn nhẹ, bảo đảm thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Trong khi chưa có những quy định mới, các ngành, các địa phương vẫn giữ các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu như hiện nay, không thành lập thêm tổ chức mới, trừ những tổ chức được thành lập theo quy định tại Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987 của Hội đồng Bộ trưởng.

Trước mắt, Bộ Kinh tế đối ngoại phối hợp với các ngành chủ quản và các Bộ liên quan khác chỉ đạo làm thử mô hình tổ chức xuất, nhập khẩu gắn chặt với các liên hiệp xí nghiệp và địa phương sản xuất hàng xuất khẩu theo hình thức liên đoàn xuất, nhập khẩu vải, ba mặt hàng quan trọng như cà-phê, tôm, dầu dừa, thủ công mỹ nghệ... Tổ chức liên đoàn xuất, nhập khẩu này xuyên suốt trong cả nước hoặc từng khu vực, từ sản xuất, mua hàng đến chế biến, xuất khẩu; không trực thuộc Bộ và Ủy ban Nhân dân cùng cấp về chỉ đạo kinh doanh xuất, nhập khẩu mà chỉ chịu sự quản lý Nhà nước của các Bộ chức năng và Ủy ban Nhân dân về quản lý hành chính — kinh tế; mọi thành viên tham gia liên đoàn đều bình đẳng về trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ, tự bầu Hội đồng quản trị để chỉ đạo hoạt động liên doanh.

5. Bộ Kinh tế đối ngoại cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn các ngành, các địa phương kiểm điểm việc xây dựng và thực hiện chương trình xuất khẩu, đề ra những biện pháp cần thiết để tiếp tục triển khai theo tinh thần các nghị quyết của Đảng và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng vào tháng 6 năm 1988.

Các ngành, các địa phương cần thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị số 56-CT ngày 5-3-1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc tăng cường các hoạt động kinh tế đối ngoại, triển khai thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, nhằm không ngừng tăng thêm năng lực xuất khẩu.

Chỉ thị này được phổ biến đến các đơn vị kinh tế cơ sở, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu Bộ Kinh tế đối ngoại, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngành liên quan khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được giao, có kế hoạch chỉ đạo và ban hành những thông tư hướng dẫn thi hành Chỉ thị này có kết quả.

Hàng tháng, Bộ Kinh tế đối ngoại báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về kết quả thi hành Chỉ thị này và những khó khăn, trở ngại cần giải quyết; chuẩn bị xây dựng cơ chế xuất, nhập khẩu trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng vào cuối quý IV năm 1988.

Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
**VŨ VĂN KIỆT**

**CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 190-CT ngày 21-6-1988 về việc phát triển sản xuất và phân phối đá xây dựng và đá vôi ở các tỉnh Nam-bộ.**

Ba năm qua Bộ Xây dựng cùng một số ngành và Ủy ban Nhân dân các tỉnh liên quan đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện Chỉ thị số 277-CT ngày 6-9-1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về phát triển sản xuất vật liệu xây dựng tại các tỉnh Nam-bộ, kết quả là sản lượng đá miền Đông và Tây Nam-bộ năm 1987 tăng 1,6 đến 2 lần so với năm 1984. Tuy vậy, công tác quy hoạch và phân công hợp tác cụ thể triển khai chưa tốt đã ảnh hưởng làm chệch việc khai thác đá trong toàn vùng nói chung và ở đồng bằng sông Cửu Long nói riêng không tiến triển nhanh hơn được.

Để phát triển mạnh sản xuất đá vùng Nam-bộ đủ cung cấp cho nhu cầu tại chỗ

09653670

www.ThuVienPhapLuat.com